

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khu biệt thự cao cấp Hill Villas tại khu phố 5, phường Phú Hải,
thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu biệt thự cao cấp Hill Villas tại khu phố 5, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tại cuộc họp vào ngày 25 tháng 5 năm 2021.

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu biệt thự cao cấp Hill Villas tại khu phố 5, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công văn số 102/2021/CV-DMP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Công ty Cổ phần Khai thác và Phát triển Quỹ đất DMP Group;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 251/TTr-STNMT ngày 15 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu biệt thự cao cấp Hill Villas (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Khai thác và Phát triển Quỹ đất DMP Group (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Phan Văn Đăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND thành phố Phan Thiết;
- UBND phường Phú Hải;
- Công ty CP Khai thác và Phát triển Quỹ đất DMP Group;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Văn Đăng

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 1554.../QĐ-UBND ngày 22.tháng 6. năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Khu biệt thự cao cấp Hill Villas.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Khai thác và Phát triển Quỹ đất DMP Group.
- Địa chỉ liên hệ: Lầu 11, Tòa nhà Đức, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Tiên Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

- Địa điểm thực hiện dự án: khu phố 5, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Mục tiêu dự án: xây dựng khu biệt thự cao cấp hiện đại với đầy đủ tiện ích, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Góp phần hoàn chỉnh, phủ kín quy hoạch, đáp ứng nhu cầu về nhà ở, các dịch vụ tiện ích công cộng cho những đối tượng có nhu cầu tại chỗ - người dân địa phương và người dân trong các khu vực lân cận.

- Quy mô dự án:

+ Diện tích sử dụng đất: 74.091,4 m².

+ Khu biệt thự: 257 lô.

+ Dân số: 1.028 người.

+ Loại hình dự án: Dự án thuộc loại hình xây mới.

- Công nghệ và loại hình dự án: Dự án mang tính chất là một khu dân cư xây dựng mới, đất ở được phân lô dạng biệt thự, kết hợp với các khu chức năng khác như công viên cây xanh và công trình hạ tầng kỹ thuật để cho thuê hoặc bán. Vì vậy, Dự án không có công nghệ sản xuất, vận hành.

- Phạm vi, các công trình chính của dự án: 257 căn biệt thự, công viên cây xanh, giao thông, ...

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, bụi,... phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và giai đoạn vận hành.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:
 - + Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng khoảng 4,5 m³/ngày đêm; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các chất có hàm lượng hữu cơ và các vi sinh gây bệnh,...
 - + Nước thải trong quá trình xây dựng: Lưu lượng phát sinh khoảng 0,85 m³/ngày (nước thải xây dựng 0,25 m³/ngày, nước rửa thiết bị, máy móc 0,6 m³/ngày), thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, ...
- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt: lưu lượng khoảng 160,37 m³/ngày đêm; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các chất có hàm lượng hữu cơ và các vi sinh gây bệnh,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi phát sinh do hoạt động chuẩn bị mặt bằng; vận chuyển, bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị, máy móc. Khí thải phát sinh từ các hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án; san gạt mặt bằng của dự án; thành phần chủ yếu là SO₂, NO₂, CO, CO₂,...
- Trong giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện ra vào và các hoạt động khác của dự án; thành phần chủ yếu là SO₂, NO₂, CO, CO₂ và bụi,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:
 - + Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 64 kg/ngày; thành phần chủ yếu là gạch thừa, sắt thép vụn, coffa, bao bì đựng xi măng, bìa cartong các loại.
 - + Chất thải tháo dỡ lán trại phát sinh khoảng 600kg; thành phần chủ yếu là dây điện, gỗ, ván, ...
- Trong giai đoạn vận hành: Chất thải rắn phát sinh của toàn dự án khoảng 3,3 kg/ngày (40 kg/tháng); thành phần chủ yếu là rễ, thân cây cảnh, bao bì đựng phân bón chăm sóc cây,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Khối lượng phát sinh trung bình khoảng 95,6 kg/tháng (khoảng 1.147 kg/12 tháng); thành phần chủ yếu là dầu động cơ và hộp số bôi trơn tổng hợp thải, que hàn,...
- Trong giai đoạn vận hành: Khối lượng phát sinh khoảng 98 kg/năm; thành phần chủ yếu là dầu động cơ và hộp số bôi trơn tổng hợp thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải, ...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 65 kg/ngày; thành phần chủ yếu là các loại chất thải vô cơ, hữu cơ gồm: bao bì, vỏ com hộp, thức ăn thừa, bao bì, ...

- Trong giai đoạn vận hành: Khối lượng chất thải sinh hoạt từ hoạt động của dự án phát sinh khoảng 1.336,4 kg/ngày; thành phần chủ yếu là các loại gốc, rễ, rau củ hư các loại, thức ăn thừa, bao gói (nilon, giấy, kim loại, thủy tinh...).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

Chủ dự án thực hiện biện pháp xử lý, giảm thiểu nước thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, vận hành chủ yếu như sau:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Chủ đầu tư bố trí 04 nhà vệ sinh di động tại các khu vực thuận tiện cho việc thu gom; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định (3 tháng/lần).

+ Nước thải xây dựng: toàn bộ lượng nước thải sẽ được thu gom về hố lắng tạm (có diện tích 144 m²) và tách dầu sau đó một phần tái sử dụng lại để trộn vữa, một phần thải ra hệ thống thoát nước mưa của dự án.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh đưa về bể tự hoại 03 ngăn sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải từ nhà tắm, lavabo, giặt ủi, nhà bếp, ..., được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung.

Toàn bộ lưu lượng nước thải trên theo hệ thống đường ống thu gom về các hố ga và đưa vào hệ thống xử lý tập trung công suất 200 m³/ngày đêm với quy trình như sau: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể đệm → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng vi sinh → Bể oxy hóa nâng cao → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Tái sử dụng tưới cây (*nước thải sau xử lý đạt cột B1, QCVN 08-MT:2015 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt*).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Chủ dự án thực hiện biện pháp xử lý, giảm thiểu bụi, khí thải và chất thải khác liên quan đến không khí phát sinh trong giai đoạn thi công và xây dựng chủ yếu như sau:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ xe, không sử dụng xe đã quá hạn sử dụng, vận hành đúng tải trọng; phủ kín thùng các xe chuyên chở nguyên vật liệu rời; giảm tốc độ lưu thông của xe tải khi đi qua các khu vực dân cư; tất cả các xe ra khỏi công trường đều được rửa xe.

+ Bố trí thời gian, phân luồng, phân tuyến hợp lý trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị phục vụ thi công; lắp đặt các biển báo tại khu vực công trường xây dựng.

+ Phun nước tưới giữ ẩm với tần suất 2 giờ/lần, khối lượng nước tưới khoảng 0,4 lít/m² (khoảng 59,27 m³/ngày). Phạm vi phun cục bộ tại khu vực dự án.

+ Bố trí tôn để che chắn khu vực công trường; phủ bạt kín các khu vực tập trung nguyên vật liệu có khả năng gây bụi như cát, xi măng,...; áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công ở mức tối đa; vệ sinh, dọn dẹp công trường sau mỗi ca làm việc.

+ Sử dụng lưới chắn bụi bao che công trình tại các tầng cao của dự án khi thực hiện công đoạn chà nhám, sơn hoàn thiện công trình.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Bê tông hóa, nhựa hóa hoặc gạch hóa tất cả các tuyến đường giao thông trong khu vực; nghiêm cấm các loại xe tải chuyên chở đất đá và các dạng vật liệu khác có khả năng phát tán bụi ra môi trường vào dự án mà không có bạt hoặc các thiết bị che chắn cẩn thận.

+ Trồng và duy trì hệ thống cây xanh dọc các tuyến đường và công viên cây xanh trong khu vực dự án.

+ Lắp đặt máy hút mùi, khí thải từ khu vực bếp theo đúng quy định và phù hợp thiết kế để giảm thiểu khí thải từ hoạt động nấu nướng của các căn biệt thự.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải rắn xây dựng: đối với chất thải như xà bần, đất, đá,... được thu gom và tận dụng làm nguyên liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi dự án; đối với các loại vỏ bao xi măng, sắt, thép,... tái sử dụng được sẽ thu gom, bán phế liệu; đối với các loại vụn gỗ, bao bì, ... không tái sử dụng được sẽ thu gom chung với chất thải sinh hoạt và Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, đổ thải theo quy định.

- Trong giai đoạn vận hành: Rác thực vật từ hoạt động chăm sóc cây xanh được thu gom vào xe đẩy tay (660 L) sau đó đưa về khu tập kết của dự án. Hàng ngày, đơn vị có chức năng sẽ thu gom, xử lý đúng quy định.

3.4. Các công trình biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại:

Chủ đầu tư tiến hành quản lý và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của

Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại như:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Thu gom 100% lượng chất thải nguy hại phát sinh; từng loại chất thải nguy hại được phân loại và được dán nhãn, mã số; bố trí khu vực lưu trữ tạm chất thải nguy hại có diện tích 10 m².

- Trong giai đoạn vận hành:

- + Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án được phân loại thu gom, phân loại riêng với chất thải rắn thông thường.

- + Dán nhãn, mã số từng loại chất thải nguy hại và lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại (kho được xây kín, diện tích 15 m², có mái che, tường gạch, quét vôi, kho được dán cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại, gờ ngăn nước mưa chảy tràn vào khu vực, trang bị bình chữa cháy,...).

- + Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định và báo cáo định kỳ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:
Chất thải khác trong giai đoạn này chủ yếu là chất thải sinh hoạt.

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

- + Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong tập thể công nhân. Tập huấn cho công nhân các quy định và các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- + Bố trí 02 thùng rác 120 lít để thu gom rác thải tại các lán trại và công trường. Hợp đồng với đơn vị chức năng để đến thu gom và đổ thải theo quy định, với tần suất 1 ngày/lần.

- Trong giai đoạn vận hành:

- + Đối với rác sinh hoạt từ các hộ gia đình: mỗi hộ gia đình sẽ tự phân loại, trang bị 02 thùng rác có dung tích 60 lít/mỗi thùng.

- + Đối với rác đường phố, công viên cây xanh: được thu gom bằng các thùng rác có dung tích 660 lít.

Toàn bộ lượng rác sẽ được phân loại, thu gom về khu tập kết chất thải rắn có diện tích khoảng 25 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

3.6. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

- + Lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc; không thi công vào các giờ cao điểm.

- + Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ dự án phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường.

- Trong giai đoạn hoạt động: Bố trí bãi đỗ xe và giao nhận nguyên vật liệu, hàng hóa ở khu vực riêng; bố trí cây xanh bóng mát, các khu dịch vụ thích hợp.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Đối với khu lưu chứa chất thải:

+ Xây dựng khu vực lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước theo đúng quy định.

+ Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định và được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục sự cố.

+ Đối với việc vận chuyển chất thải: phải hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với khu xử lý nước thải:

+ Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như: máy bơm, bơm định lượng. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý, điều chỉnh chế độ bơm cho phù hợp với công suất của trạm xử lý.

+ Bố trí hồ chứa nước thải sau xử lý có tổng dung tích 312 m³, hồ chứa được chia thành 2 ngăn. Ngăn 1 có dung tích 100 m³ được sử dụng làm hồ chứa nước thải sau xử lý phục vụ nhu cầu tưới cây thường xuyên trong ngày (lượng nước tưới cây hàng ngày là 112,88 m³/ngày, do đó lượng nước lưu giữ lại ít khoảng 41,32 m³/ngày) nên với dung tích hồ chứa trên vẫn đảm bảo lưu chứa nguồn nước thải sau xử lý của dự án; ngăn 02 có dung tích 212 m³ để dự phòng khi có sự cố sẽ chứa nước thải chưa qua xử lý. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải được bơm trở về bể điều hòa để xử lý nước thải.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Hệ thống xử lý tập trung công suất 200 m³/ngày đêm với quy trình như sau: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể đệm → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng vi sinh → Bể oxy hóa nâng cao → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Tái sử dụng tưới cây (nước thải sau xử lý đạt cột B1, QCVN 08-MT:2015 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

a) Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 02 điểm:

+ 01 điểm tại gần khu vực ra vào công trường xây dựng.

+ 01 Điểm tại khu vực xây dựng gần Biệt thự Minh Thành.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Vi khí hậu, bụi, tiếng ồn, NO₂, SO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2016/BYT về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu – giá trị vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT về Quy chuẩn Quốc gia về rung – giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT về Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT về Quy chuẩn Quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

b) Giám sát chất thải rắn:

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại tại dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải xây dựng trong giai đoạn xây dựng (hàng ngày).

- Nhật ký quản lý chất thải rắn của Dự án sẽ được lưu giữ định kỳ và báo cáo với Cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

c) Giám sát khác:

- *Giám sát an toàn lao động:* Kiểm tra chất lượng môi trường, điều kiện làm việc tại công trường; tính đầy đủ, an toàn của các trang thiết bị bảo hộ lao động,... Tần suất thực hiện liên tục hàng ngày trong quá trình xây dựng.

- *Giám sát sự sụt lún, bồi lắng, xói mòn, sạt lở:* Cử cán bộ theo dõi nguy cơ xảy ra các sự cố sụt lún công trình, cát tràn, cát bay. Quá trình này được ghi trong sổ nhật ký theo dõi của bộ phận quản lý. Tần suất thực hiện: Hàng ngày.

5.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

a) Giám sát nguồn phát sinh nước thải:

Chủ dự án thực hiện giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

- *Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả từng công đoạn xử lý nước thải:*

+ Thời gian đánh giá ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý).

+ Thông số quan trắc: pH, TDS, TSS, BOD₅, COD, DO Sunfua, Amoni, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms, Cl⁻, tổng dầu mỡ, E.coli (*các thông số quan trắc được cụ thể tại từng công đoạn xử lý nước thải được thể hiện trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án*).

+ Vị trí giám sát: Tại vị trí đầu vào, đầu ra của từng công đoạn.

+ Quy chuẩn so sánh: Đánh hiệu suất xử lý của từng công đoạn xử lý theo thiết kế (không áp dụng quy chuẩn so sánh) để làm cơ sở hiệu chỉnh cho phù hợp.

- *Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý:*

+ Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải); Thời gian đánh giá là 07 ngày liên tiếp.

+ Vị trí giám sát: Tại vị trí đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý.

+ Thông số giám sát: pH, TDS, TSS, BOD₅, COD, DO Sunfua, Amoni, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms, Cl⁻, tổng dầu mỡ, E.coli.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/ BTNMT Cột B1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt và QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A, k = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải tối đa 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

b) Giám sát chất thải rắn

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại tại dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường. Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn của

Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải xây dựng trong giai đoạn vận hành (hàng ngày).

- Nhật ký quản lý chất thải rắn của Dự án sẽ được lưu giữ định kỳ và báo cáo với Cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

5.3. Trong giai đoạn vận hành chính thức:

a) Giám sát nguồn phát sinh nước thải:

Thông số giám sát: pH, TDS, TSS, BOD₅, COD, DO Sunfua, Amoni, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms, Cl⁻, tổng dầu mỡ, E.coli.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu vào và 01 điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt và QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A, k = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b) Giám sát không khí:

- Thông số chọn lọc: NH₃, H₂S.

- Địa điểm giám sát: 01 điểm tại khu xử lý nước thải tập trung, theo hướng gió, cách nguồn thải 20m.

- Tần số lấy mẫu: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 06/2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

c) Giám sát chất thải rắn:

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại tại dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải xây dựng trong giai đoạn vận hành (hàng ngày).

- Nhật ký quản lý chất thải rắn của Dự án sẽ được lưu giữ định kỳ và báo cáo với Cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

d) Giám sát khác

- *Giám sát sự sụt lún, cát bay của công trình:* Chủ Dự án thường xuyên giám sát hiện tượng sụt lún, cát tràn, cát bay qua các tháng, các năm. Ghi chép nhật ký hiện tượng trên định kỳ để có biện pháp ứng phó kịp thời và làm cơ sở báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước theo dõi. Tần suất giám sát: liên tục hàng ngày.

- *Giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung:* Theo dõi, kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị vận hành; Kiểm tra tình trạng các bể xử lý, lưu lượng, chất lượng nước thải đầu vào, hiệu quả xử lý của từng bể; Kiểm tra tình trạng hệ thống đường ống dẫn nước, thoát nước trong hệ thống xử lý nước thải tập trung, hiện tượng rò rỉ, nứt bể, vỡ đường ống; Kết quả kiểm tra được ghi chép trong nhật ký của cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất: liên tục hàng ngày.

- *Giám sát thay đổi mực nước ngầm:* Chủ Dự án cam kết sử dụng đúng lượng nước như đã xin cấp phép khai thác nước ngầm; Báo cáo định kỳ tình hình khai thác nước dưới đất để theo dõi diễn biến mực nước và chất lượng nước ngầm tại khu đất của Công ty đến đơn vị cơ quan quản lý.

5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- *Công trình, biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ:*

+ Lắp đặt hệ thống báo cháy tại tất cả các công trình, hành lang; bố trí các bình chữa cháy CO₂, bình bọt hóa chất và đường ống cấp nước chữa cháy.

+ Đường nội bộ được thiết kế rộng, đảm bảo cho xe chữa cháy dễ dàng ra vào. Có kế hoạch định kỳ kiểm tra các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy.

+ Thiết lập các hệ thống báo cháy phải có đèn hiệu và thông tin tốt, các thiết bị và phương tiện phòng cháy hiệu quả. Tiến hành kiểm tra và sửa chữa định kỳ các hệ thống có khả năng gây cháy nổ.

+ Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, nhanh chóng bố trí lực lượng nhân viên để dập tắt đám cháy. Trường hợp có cháy nổ lớn sẽ liên hệ với cơ quan chức năng để được hỗ trợ ứng cứu. Thực hiện giải pháp ngăn cháy chống cháy lan trong công trình, phương án chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn theo quy định.

- *Công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro do bão, thiên tai:* Thường xuyên theo dõi tình hình dự báo diễn biến thời tiết để có phương án phòng ngừa khi xảy ra thiên tai. Kết hợp với chính quyền địa phương triển khai các biện pháp phòng tránh. Thực hiện việc thông báo và sơ tán dân cư đến nơi an toàn, kêu gọi sự trợ giúp về lực lượng, phương tiện cấp cứu từ phía địa phương khi có những hiện tượng bất thường.

- *Công trình, biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông:* Bố trí bảo vệ nhắc nhở việc đậu xe không đúng quy định trên lòng lề đường; tuyên truyền ý thức tham gia giao thông của người dân xung quanh; lắp đặt các biển báo, phân luồng giao thông, đèn báo hiệu đúng quy định; quét dọn thường xuyên các tuyến đường nội bộ trong khu vực, tránh bụi bẩn phát tán ảnh hưởng đến giao thông./.